

Tử Đệ - Tản mạn theo dòng văn hóa Tây Bắc

# TẢN MẠN THEO DÒNG

# VĂN HÓA

# TÂY BẮC

TỬ ĐỆ

Bảo tàng Văn hóa các dân tộc VN





**M**ột buổi, trên đường điễn dã ở Hoà Bình, anh em tôi (Từ Chi và Tôi) cố vui câu chuyện để quên dặm ngàn. Thực ra, hồi ấy tôi theo Từ Chi để học. Đối với tôi, ông là một nhà bác học đa năng. Tôi vẫn nhớ, Từ kể rằng: đứng về mặt khoa học mà nói, ở buổi sơ khai, không hề có hệ tộc Việt Mường. Việt với Mường là một, họ mới tách thành hai hệ trong thời Bắc thuộc, có người cho rằng bắt đầu từ thế kỷ III, người nói thế kỷ VII-VIII, tới khoảng thế XV-XVII họ mới tách hẳn. Vậy họ từ đâu ra? Từ "dẫn" tôi đi xa hơn, ra ngoài "biên giới". Rằng, người Hán vốn ở miền hoàng thổ (Hoa Bắc) luôn có xu hướng bành trướng xuống Phương Nam. Sức ép của họ khiến nhiều tộc người ở phía dưới đã phải thiên di - khoảng vài ngàn năm về trước, giáp Bắc Lạc Việt có hai hệ Việt khác là Tày Thái và Đản, ngăn cách giữa họ là người Miêu ở núi cao. Người Đản ở phía Đông, giáp biển, quá trình thiên di của họ đã góp phần đắc lực tạo nên một số quốc gia đảo và bán đảo ở phương Nam Đông Á. Họ đổ bộ vào miền Trung đất Việt để dần dần tạo nên vương quốc Chăm Pa. Ở Bắc bộ họ theo dòng sông Hồng ngược lên khá xa mà hội với người bản địa, rồi mang tư cách là một thành phần của Việt Mường. Còn hệ Tày Thái, ở phía trong, cuộc thiên di của họ là tràn xuống phía Nam, góp mặt vào các thành phần chính của quốc gia Lào và Thái Lan ngày nay. Họ vào đất Việt mà một di duệ của thời xa xưa ấy, nay là người Thái trắng, Thái đen ở Tây Bắc. Song, cũng nên hiểu, họ là một thành phần chính trong hệ Việt Mường. Tất nhiên, trước khi có cuộc thiên di này thì ở Bắc Bộ đã có người bản địa thuộc gốc Môn Khơ me, và, hệ thứ hai là người Tạng Miến theo các triển sông lớn mà tràn xuống một cách tự nhiên.

Suy cho cùng, bốn hệ tộc đó cộng cư, hoà dòng máu... và đương nhiên có cả sự "đóng góp" của nhiều tộc người khác để hệ Việt Mường hình thành dần. Ở lĩnh vực văn hoá thì tất yếu phải điểm tới một yếu tố cơ bản khác nữa là: Hán, như thế Việt Mường là hệ lai, được hình thành trước khi tiến xuống khai phá miền châu thổ và men theo triển núi để đi về phía Nam. Hai bộ phận này có lẽ đã tách xa nhau về địa lý rồi nhiều mặt của văn hóa mà dần thành Kinh và Mường. Ngày nay người Mường đã đi sâu vào tận miền Trung Trung bộ, nhưng nơi tập trung nhất của họ vẫn là Hoà Bình và miền Tây Thanh Hoá. Vì thế, nghiên cứu về Mường

phải đặt một trọng tâm vào đất Hoà Bình. Rõ ràng là tìm hiểu về Mường và các tộc người thiểu số trên mảnh đất này thực sự đã góp phần để hiểu về những khía cạnh thuộc bản gốc của dân tộc Việt Nam và cả những mặt còn khó mình giải của văn hoá Kinh nữa. Đó là điều chúng ta cần. Từ Chi đã nói với tôi rất nhiều, nhất là trước mỗi lần điễn dã tiếp cận đến với văn hoá Tây Bắc, Ông điễn giải từ vấn đề sản xuất tới sinh hoạt tâm linh, chắc chắn là Ông cũng đã dạy bảo nhiều người. Và, đáng tiếc là, vì ở ngoài ngành, nên tôi khó củng cố được những kiến thức ấy. Mặt khác, cũng do ý thức méo mó nghề nghiệp, nên đến nay may ra tôi chỉ nhớ được một vài vấn đề tản mạn liên quan đến tạo hình. Song, cũng chỉ dừng ở mức như một gợi ý để giải mã về một sự kiện khác gắn với mỹ thuật dân tộc. Có một buổi, khá xa, đến ba mươi mấy năm về trước, tản mạn câu chuyện dẫn chúng tôi về những buổi khởi nguyên của tạo hình. Vượt qua thời kỳ đồ đá, tới thời đồ đồng Đông Sơn - Sách vở nói thật nhiều, song về thập đồng Đào Thịnh (Yên Bái) thì ít được nhắc đến. Tôi kể cho Từ nghe chính tôi đã đến chỗ thập ngay ít ngày sau khi phát hiện, nơi bờ sông, chỉ còn vài mảnh đồng vụn (do người ta bẻ ra vì tưởng là vàng). Từ đó, chúng tôi liên hệ tới những hình tượng quá bạo dạn của nam nữ được chạm trên kiến trúc khắp đất Bắc, mà, một thời (kể cả ngày nay) do ấu trĩ về nhận thức nên đã gán cho là chất phong kiến! lấy một sự kiện cụ thể về sinh hoạt của người Mãng rất hẹp dưới gầm giường thường để hạt, củ giống... Tất cả những hiện tượng đó đã được xuất phát từ ý thức: coi con người và vũ trụ là đồng nhất thể và người ta muốn dùng hành động của đôi vợ chồng để nhắc nhở trời đất, muôn loài, đối đãi mà phát sinh phát triển... Vượt qua sự gợi ý bằng chính bản thân, hiện tượng "âm dương đối đãi" còn được nhắc tới bởi ngôi nhà sàn. Nhiều người đã biết một tích truyện kể rằng vào thời hỗn mang có con rùa đã dạy con người làm nhà để tránh rét và thú dữ... Song, tư duy cổ đại cũng đã cho rằng mái nhà khum khum như mai rùa, tượng cho bầu trời (dương), sàn nhà phẳng như bụng rùa, tượng cho mặt đất (âm)... Như vậy, sống trong ngôi nhà sàn là được hoà trong nguồn sinh lực vô biên của đất trời để một linh phúc viên mãn phủ tràn theo ước vọng... Tôi vẫn nhớ, có lần sau khi ở Tây Bắc về, tôi gặp nhiều sự kiện về sản xuất, chẳng hiểu gì, tôi đành hỏi Từ - Anh



dẫn cho tôi từ việc nam chọc lỗ nữ tra hạt, cũng vẫn là hiện tượng con người truyền sinh khí và gợi ý cho cây trồng. Song, điều đáng ghi nhận nhất là ở cây gậy chọc lỗ đã mang tư cách một "trục vũ trụ". Gậy không được để bừa bãi khi nghỉ ngơi, mà phần trên của gậy thường được hướng về phía mặt trời, nhằm hút lấy sinh lực thiêng liêng truyền tới đầu nhọn mà đem sức sống-gợi mầm non trời dậy (phần nào đã gợi ý cho gậy Thánh Gióng). Từ đây chúng tôi đến vùng của người Xá Dón, nhớ đến điệu múa trên nương của người vợ chủ nương (có lẽ tượng cho mẹ đất) vung gậy chọc lỗ về hướng mặt trời đang mọc. Người ta tin rằng, qua nghi lễ này, mùa màng sẽ được sự bảo trợ của đất trời - để rồi tới lúc thu hoạch là một nghi lễ mới, gọi "me lúa" về ban phúc lành, vào mấy hôm trước buổi gặt, bà chủ gia đình ăn kiêng, tắm rửa sạch sẽ, đặc biệt bà không nói. Tới ngày quy định, bà thay áo đẹp lấy hòn đá thần vốn để trên sàn cao ở trên bếp rồi lạng lẽ lên nương. Người chồng vác dao đi cách sau vài chục bước, nhằm bảo vệ. Tới nơi, bà vào lều nương gọi mẹ hoá bằng một bài khấn riêng (chỉ truyền cho con gái), sau đó bước xuống lấy tâm là lều bà gặt theo chiều ngược kim đồng hồ, khi đã đủ chín bó (bằng chét tay) bà đẹp đặt ở trên chiếc nong giữa lều rồi lấy hòn đá thần chẹn lên. Chỉ sau khi cầu mẹ hoá xong, người nhà mới được vào gặt. Sự kiện trên có thể cho chúng ta tạm hiểu rằng hòn đá là vật tụ hồn của mẹ lúa, người đàn bà im lìm để như đồng nhất với mẹ đất. Việc gặt ngược chiều quay của kim đồng hồ như xuất phát từ tục thờ mặt trời và chín bó lúa có thể được nghĩ là một biểu hiện về sự đầy đủ, nhiều, tất cả những hạt lúa thiêng tụ lại để nhận hồn từ mẹ lúa mà sinh sôi, đó là lúa giống (số chín là số phiếm chỉ tức số nhiều).

Nói đến đá là vật chuyển tải hoặc chứa đựng sức linh đã thấy trong nhận thức của nhiều cư dân trên thế giới. Một sự kiện dẫn tới hiện tượng "Đồng quy văn hoá" đó là ở chỗ người ta đã quên mất những công cụ đá và đồng của thời nguyên thủy, đến khi gặp lại ở dưới đất, do không giải thích được nguồn gốc, nên họ đã cho chúng là sản phẩm của thần, vì thế chúng có sức linh nhất định, dẫn dẫn những chất liệu tương ứng. Sau khi được chọn lựa hay có sự tác động nào đó, rồi theo dòng trôi chảy của tư duy mà cũng thiêng hoá. Chúng ta đã gặp rất nhiều rìu đá mài trong túi khốt của các thầy cúng ở Tây Bắc, cả ở Đông Bắc và Tây Nguyên. Cũng

đôi khi còn có những hòn đá nhỏ tự nhiên đen kịt hay óng ánh. Được tiếp cận với một số thầy mo già, phần nào chúng tôi hiểu rằng, để có được những hòn đá đặc biệt này, ông mo đã thành tâm cầu khẩn nhằm mong trong chiêm bao được thần chỉ bảo. Sớm dậy, đường chưa người qua, có nghĩa khí thiêng của trời đất còn chưa hoà vào cuộc đời bụi bặm, ông mo mở cuộc hành hương vô định, nhưng thường men theo bờ suối mắt ông không tập trung vào bất kể cái gì, chỉ đột nhiên như vô tình, ông gặp những viên đá khác biệt (thường neho mắt là hòn đá đen kịt hoặc óng ánh). Ông coi chúng là vật tụ hồn thần, nên nhặt về để thành một vật thiêng trong túi khốt.

Nói tới đá thiêng, người ta còn chú ý nhiều núi. Thực ra không phải núi nào cũng được quan tâm, mà trí lực của con người thường hội vào những hòn cô sơn có khi hoá đứng trước cả dãy núi, như núi Do Hòa Bình. Đặc biệt người xưa thường còn thiêng hóa những hang sâu với nhiều nhũ đá kiểu bọt mọc. Một phần những hang này đã trở thành đền thờ hoặc chùa của người Mường, mà trong đó có khi tồn tại cả bọt đục bọt cái. Chỉ thế thôi, chúng ta đã nhận thấy núi (nhất là hòn cô sơn với một điển hình là núi Ba Vì, một hòn chủ sơn đã như một "trục vũ trụ" được xuất phát từ tư duy nông nghiệp. Và, phần nào hiện tượng đền hang đã cho thấy sự dung hội giữa tín ngưỡng dân gian Mường với tôn giáo du nhập. Cũng qua đây mà chúng ta hiểu hơn về nhiều chùa hang tiên khắp đất nước, như chùa Hương, chùa một mái - Hà Tây, là một ví dụ. Từ thờ đá gắn với đời sống tâm linh, đá thiêng còn liên quan nhiều tới các kiếp đời đã qua. Nhiều tộc người đã đắp mả bằng đá, song có thể coi một trong những điển hình với những mả thường. Thông thường, trên nghĩa địa, mả thường dân được bao quanh bằng những hòn đá sỏi lớn (to nhỏ, không nhất định), mả quan chức thường có đá cấm (có khi cao tới hơn 3m - như ở Đống Thếch). Từ những mả này, ít nhất có mấy vấn đề được đặt ra:

Một là: Những hòn đá bao mộ được coi như cái thang để linh hồn người chết từ ngôi nhà vĩnh cửu của mình mà vượt ra ngoài để tiếp cận với thế giới nhân sinh và vũ trụ.

Hai là: Vùng ven sông Bôi trước đây có nhiều vàng, người Tầu thường đến khai thác. Họ tụ tập đông đảo, khiến triều đình e ngại (nhất là trước hoạ xâm lược của người Nguyên). Nhà Trần đã giải tán các tổ chức này của người



Tầu, song, họ vẫn quay trở lại với những thuyền gổm để đổi lấy vàng cốm. Vì thế người Mường có khá nhiều bát đĩa của Trung Hoa, mà một nơi tập trung gổm là ở mộ táng (với nhà giàu mộ được chia hai ngăn, ngăn trong để người chết, ngăn ngoài để cơm cúng hàng ngày. Theo tục lệ, để cúng có cả bát đĩa, sẽ được để lại, hôm sau lại cúng bộ khác. Đến một ngày quy định thì lấp mộ). Và, hiện nay khu mộ táng đã và đang còn là nơi sẵn lòng đổ cỗ của bọn bất lương.

Ba là: Từ cách xếp và cắm đá của mộ Mường, mà chúng ta có thể giải thích được về cách dựng mộ cũng theo kiểu xếp đá suối của lăng mộ thời Trần ở Yên Sinh, Đông Triều, có lẽ đương thời ở một lĩnh vực nào đó văn hoá Việt - Mường còn khá gần gũi.

Từ những mả Mường, bằng tư duy liên tưởng, chúng ta quay trở lại với những đám tang. Tuy nhiên chúng tôi không muốn trở lại những vấn đề mòn mỏi. Trần Từ đã kể cho tôi, khi làm lễ, thường dưới đầu người chết có đặt một sợi dây dẫn hồn kéo ra bàn thờ để ông Mo đưa đi hầu kiện và sau đó về Mường Ma. Xong việc, sợi dây bị cắt bỏ, đồng thời một con gà choai dẫn hồn người chết được thả vào rừng. Tôi đã cố tình kiểm chứng khi được quay lại xứ Mường, song chỉ gặp đôi lời của người già, rằng: Con gà đó đưa hồn người chết về Mường Ma. Trong vũ trụ "ba tầng bốn thế giới" này nó sẽ đi về đâu? không ai biết. Trần Từ đã sang cát, ai giải thích việc này? Một may mắn khác là Ông đã để lại một "cõi sống và cõi chết..." dẫn ta tiếp cận với một khía cạnh mang bóng dáng của thời gian "chiêm bao" để thấy nhận thức của nhân loại và của người Tây Bắc về vũ trụ, thế giới... thần linh ở bên trên thì to lớn, Mường Ma có các kiếp đời đều bé nhỏ... từ đây, chúng ta như hiểu vì sao tượng mỗ Tây Nguyên và tượng lăng mộ vua ở Lam Kinh thường bé nhỏ.

Trên đây là một vài vấn đề, mà thông qua đó, chúng ta có thể liên hệ để giải mã cho một số sự kiện thuộc văn hoá và tạo hình của cả tộc người chủ thể - nếu như có điều kiện khảo sát và suy ngẫm nhiều hơn, chắc chắn chúng ta sẽ hiểu được cặn kẽ hơn một cách cụ thể về mối liên hệ trực và gián tiếp của các vùng văn hoá, của xuôi ngược mà một điểm nổi là giữa Tây Bắc với cùng châu thổ. Có thể lấy ra nhiều ví dụ: những trang trí trên áo quần của người thiểu số, như hoa tám cánh, hoạ tiết hình kỷ hà, văn xoắn, hình rồng, rắn hai đầu (con sừng), trang

trí hình dải (rang)... đã có quá nhiều nét tương đồng với tạo hình của người Kinh, chắc chắn đó là một kho tư liệu, mà với những truyền thuyết còn tồn tại sẽ góp phần để nghe được tiếng thầm thì của quá khứ.

Mặt khác, cũng từ các di sản vật thể còn để lại ở các vùng xa xôi hẻo lánh này đã góp phần (tuy còn ít ỏi) giúp chúng ta hiểu nhiều hơn về quá trình thống nhất cộng đồng dân tộc Việt Nam. Nếu như ở thời Lý, các vùng sâu vùng xa chỉ lệ thuộc lỏng lẻo vào triều đình trung ương bằng chính sách kìm, thì chính sách này đã chặt chẽ hơn nhiều ở thời Trần. Như trước nguy cơ xâm lược của người phương Bắc, triều đình đã ép buộc được các con của tù trưởng phải về kinh đô học tập. Ngược lại, dấu vết văn hoá của người Kinh đã thấy xuất hiện ở Tuyên Quang, Hà Giang... Rõ ràng xu hướng quy tụ về trung ương trong quá khứ đã đồng nhất với yêu cầu sống còn của dân tộc, nên ở thời Lê Sơ (thế kỷ XV), miền Tây Bắc đã được triều đình đặc biệt chú ý. Nhà vua đã mở các cuộc tuần du lâu ngày và khá xa kinh đô, mà nay ở Hoà Bình và Sơn La vẫn còn để lại dấu tích với các tấm bia ma nhai (khắc vào vách núi), có niên đại 1431... Xu hướng này ngày một mạnh và mở rộng, để tới thế kỷ XVIII đã có một thành Bản Phủ của Hoàng Công Chất ở tận Hồng Cúm (Điện Biên Phủ). Và, vào thế kỷ XIX, thì dấu vết văn hoá vật thể của người Kinh đã cộng sinh cùng văn hoá của người thiểu số trên khắp miền Tây Bắc, như khẳng định về sự hoà đồng dân tộc ngày một phát triển. Chúng ta cũng có thể lọc ra ở mặt tín ngưỡng nhiều thần linh thuộc đạo Mẫu, đạo Phật đã xuất hiện ở núi rừng xa xôi, và ngược lại cũng có thần linh người Thượng nhập vào thần điện Việt với sự thành kính thực sự của mọi tín đồ.

Tản mạn trên dòng trôi chảy của văn hoá Tây Bắc, dù cho con thuyền tri thức có dừng ở bến bờ nào đi nữa thì tất cả mới chỉ được coi như là bước mở đầu, thế mà trong xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường, miền núi tiến kịp miền xuôi... (phải khẳng định đó là hướng đi đúng) khó tránh khỏi sự mai một của các dòng văn hoá cổ truyền mà nay mất đi không bao giờ trở lại. Vấn đề đặt ra là chúng ta cùng phải có trách nhiệm sưu tầm thật gấp để những vẻ đẹp truyền đời đó được giữ lại cho muôn đời sau. Đó là công việc nặng nề khó khăn nhưng đầy vinh quang.